

Bản án số: 09/2018/HS-ST

Ngày: 15-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trí Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phùng Văn Thảo.

Bà Lê Thị Phương Mai.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê Mai - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HS ngày 02/3/2018 đối với bị cáo:

Hoàng Xuân Th, sinh năm 1984; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Đội 6, xã Ng, huyện Th, thành phố H; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Vợ: Phạm Thị Th, có 01 con; Con ông: Hoàng Văn Q và bà Nguyễn Thị Th; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Đi cai nghiện bắt buộc từ năm 2012 đến năm 2014; Ngày 15/8/2017, Tòa án nhân dân quận H, thành phố H xử phạt Th 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", Thịnh đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/12/2017 (Theo danh chỉ bản số 244 lập ngày 07/11/2017 tại Công an huyện P và lý lịch bị can phản ánh); Bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 15/12/2017, hiện đang tạm giam (có mặt).

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1982; HKTT và nơi cư trú: Thôn Ứng H, xã P, huyện P, thành phố H – vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1957; HKTT và nơi cư trú: Đội 6, xã Ng, huyện Th, thành phố H – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 11/4/2017, Th và Phạm Văn L, sinh năm 1973, ở xã T, huyện Th, thành phố H cùng đến trạm y tế L, HM, HN để uống thuốc Metanon. Khi đi L đi xe máy của L chờ Th, sau khi uống thuốc xong, Th rủ L đi HN chơi với bạn của Th và Th lái xe chở L ngồi sau. Đến khoảng 9 giờ 30 phút cùng ngày thì đến đoạn đường Quốc lộ 1A thuộc Tiểu khu Th, thị trấn P, cả hai nhìn thấy xe ô tô tải biển số 29C – 503.xx (xe của anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1982, ở thôn Ứng H, xã P, huyện P, thành phố H) đỗ sát mép đường hướng Hà Nam đi Hà Nội đang bốc hàng. Th đi tiếp khoảng 200m thì quay xe máy lại đến cạnh cửa ô tô bên lái lấy 01 chiếc điện thoại và 01 túi xách màu đen (loại đựng laptop), rồi L chờ Th đi hướng Hà Nội được khoảng 2km thì đổi lái Th chở L, cả hai mang điện thoại Iphone 6 plus bán ở khu vực bến xe Giáp Bát Hà Nội (không nhớ cửa hàng) được 2.000.000 đồng. Sau đó cả hai về nhà trọ của Nguyễn Thị H, sinh năm 1976, ở VN, VQ, TT, HN (là bạn gái của Th). Tại đây, Th và L kiểm tra trong túi xách thì thấy có chứng minh thư, bằng lái xe ô tô, bằng lái xe máy, đăng kí xe ô tô, đăng kí xe máy mang tên Nguyễn Đức T ở PX, HN và 46.000.000 đồng tiền mặt để trong ví và trong túi xách. Th và L chia nhau mỗi người được 24.000.000 đồng. Số tiền Th được hưởng, Th đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 19/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận 01 điện thoại Iphone 6 plus = 6.300.000 đồng; 01 túi xách = 150.000 đồng; 01 ví giả da = 450.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Hoàng Xuân Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng bọn.

Đối với tang vật là chiếc điện thoại Iphone 6 plus màu trắng cơ quan điều tra đã dẫn giải Th đến nơi bán điện thoại, nhưng Th không xác định được địa điểm nơi bán nên không thu giữ được. Đối với các tài sản túi xách màu đen, ví da, chứng minh thư, bằng lái xe ô tô, bằng lái xe máy, đăng ký xe ô tô, đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Đức T, Th khai do L cầm hiện chưa xác định được L ở đâu nên chưa thu hồi được.

Về các tài sản bị hại Nguyễn Đức T khai: Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, khoảng 10 giờ ngày 11/4/2017 anh T đã có đơn trình báo đề nghị Cơ quan điều tra Công an huyện P giải quyết việc bị mất tài sản gồm: 01 điện thoại Iphone 6plus; 01 túi xách bên trong có 01 ví da bên trong ví da và túi xách có khoảng 45.000.000 đồng và giấy tờ gồm chứng minh thư, bằng lái xe ô tô, đăng ký ô tô, đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Đức T; nhưng sau đó anh T thay đổi lời khai, khai báo tổng số mất trên 60.000.000 đồng. Ngoài lời khai của anh T ra không có chứng cứ tài liệu nào chứng minh. Căn cứ tài liệu điều tra thì số tiền anh Tuấn khai mất ban đầu phù hợp với bị cáo Th khai nhận là lấy trộm được 46.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 16/01/2018, ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1957 ở đội 6, xã Ng, huyện Tha, HN – là bố của Th đã bồi thường 26.450.000 đồng cho anh T, anh T nhận đủ số tiền và yêu cầu Th tiếp tục bồi thường phần dân sự còn thiếu cho anh T. Đối với các giấy tờ của anh T, anh T tự làm hết khoảng 10.000.000 đồng, nhưng anh T không yêu cầu bị cáo Th phải bồi thường khoản tiền này. Anh T có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với Phạm Văn L theo Hoàng Xuân Th khai là người giúp sức cho Th trộm cắp các tài sản của anh T, L được ăn chia tiền 24.000.000 đồng. Ngoài lời khai của Th ra thì không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh, hiện L vắng mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra Quyết định tách vụ án hình sự số 02 ngày 19/01/2018 tách hành vi của L ra tiếp tục thu thập tài liệu chứng cứ, khi nào làm rõ sẽ xử lý ở vụ án khác.

Tại phiên toà:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Bị cáo thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra hối hận và đề nghị Tòa xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Bản cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 29/01/2018, VKSND huyện P truy tố Hoàng Xuân Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện P giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: xử phạt Hoàng Xuân Th từ 30 tháng đến 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo; Về bồi thường dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 52.900.000 đồng, xác nhận bị cáo đã bồi thường được 26.450.000 đồng, buộc bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 26.450.000 đồng; Bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Hoàng Văn Q giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại cơ quan điều tra, ông xác nhận đã bồi thường cho bị hại số tiền 26.450.000 đồng do bị cáo nhờ ông bồi thường, ông không yêu cầu bị cáo trả lại ông số tiền này. Ông đề nghị Tòa án xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng bị cáo Hoàng Xuân Th thành khẩn nhận tội, hứa sẽ sửa chữa, đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự, lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp lệ, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 11/4/2017 tại đường Quốc

lộ 1A thuộc địa phận Tiểu khu Th, thị trấn P, huyện P, HN, Hoàng Xuân Th cùng Phạm Văn L đã lén lút chiếm đoạt tài sản là tiền, điện thoại, túi xách, ví da trên xe ô tô biển số 29C- 503.xx của anh Nguyễn Đức T, tổng tài sản trị giá là 52.900.000 đồng.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 11/4/2017, do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xét xử đối với hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 7 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối chiếu quy định của BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, hành vi của Th đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo ra xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân và gây mất trật tự trị an xã hội, do vậy cần thiết phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nên việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới tương xứng, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải, do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS; bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường một phần hai tài sản bị trộm cắp cho bị hại nên cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS; bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo nên cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, khi lượng hình, có thể giảm nhẹ một phần hình phạt, chứng tỏ sự nhân đạo của pháp luật để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở thành người có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung là phạt tiền: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản nên không áp dụng.

[3] Đối với Phạm Văn L theo Hoàng Xuân Th khai là người giúp sức cho Th trộm cắp các tài sản của anh T, L được ăn chia tiền 24.000.000 đồng. Ngoài lời khai của Th ra thì không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh, hiện L vắng

mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra Quyết định tách vụ án hình sự số 02 ngày 19/01/2018 tách hành vi của L ra tiếp tục thu thập tài liệu chứng cứ, khi nào làm rõ sẽ xử lý ở vụ án khác.

Đối với Nguyễn Thị H, do không biết và không được hưởng lợi gì cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

[4] Về bồi thường dân sự: Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 19/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận 01 điện thoại Iphone 6 plus = 6.300.000 đồng; 01 túi xách = 150.000 đồng; 01 ví giả da = 450.000 đồng, tổng giá trị là 6.900.000 đồng. Số tiền bị chiếm đoạt trong túi xách là 46.000.000 đồng. Tổng tài sản bị chiếm đoạt là 52.900.000 đồng, buộc bị cáo phải bồi thường. Xác nhận bị cáo đã bồi thường được 26.450.000 đồng (do ông Hoàng Văn Q bồi thường thay), buộc bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 26.450.000 đồng cho bị hại. Ông Hoàng Văn Q không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền ông đã bồi thường thay nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Xuân Th phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1; khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Phạt: Bị cáo **Hoàng Xuân Th 26 (hai mươi sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2017.

2. Về bồi thường dân sự: Căn cứ vào Điều 42 BLHS; Điều 589, 468 BLDS: Buộc Hoàng Xuân Th phải bồi thường cho anh Nguyễn Đức T số tiền 26.450.000 đồng (hai mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, nếu bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền bồi thường nêu trên thì bị cáo còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, trường hợp các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 - BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 1.322.500 đồng (một triệu ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí DSST.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, 333 BLTTHS:

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Thành phố H;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện P;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Sở Tư pháp Thành phố H;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

Nguyễn Trí Tuyền